

Bản tin Phân tích kỹ thuật

12/06/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 đóng cửa dưới đường MA5, MA20 và MA50, xác nhận tín hiệu giảm với áp lực điều chỉnh ở mức cao. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh vùng 1.940 điểm, mục tiêu tại 1.920-1.930 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên đường MA5 trong phiên 15/06 (1.943 điểm).

Chiến lược:

- Bán (S): 1.940 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.925 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.943 điểm

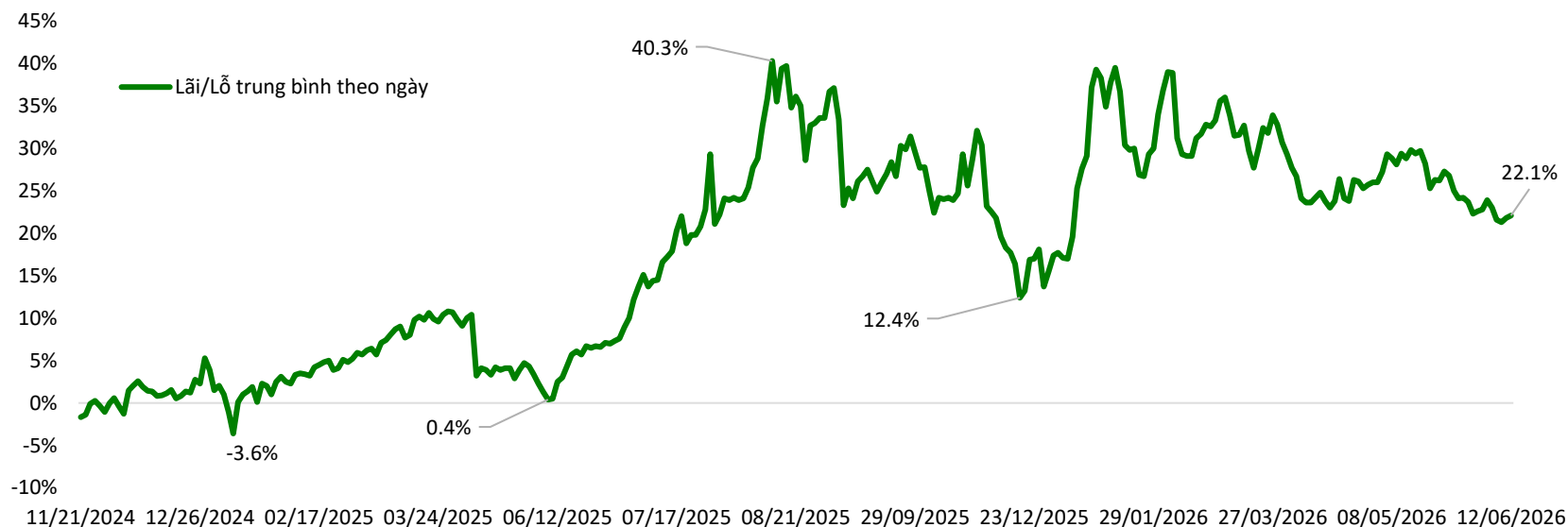
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index thoái lui sau khi tiếp cận vùng giá cao quanh 1.810 điểm, trong bối cảnh áp lực bán gia tăng rõ hơn so với ba phiên trước. Lực bán tập trung tại nhóm Bất động sản, Công nghiệp và Chứng khoán. Ở nhóm Ngân hàng và Tiêu dùng, dù sắc xanh vẫn chiếm ưu thế, đà tăng trong ngày đã thu hẹp trên nhiều cổ phiếu, cho thấy lực cầu giá cao bắt đầu suy yếu.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index giảm từ vùng 1.810 điểm và đóng cửa vi phạm trở lại MA5, cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế. Vùng 1.800–1.830 (+/5) điểm tiếp tục đóng vai trò kháng cự gần, trong khi hỗ trợ quan trọng hiện nằm quanh 1.750 điểm. Diễn biến kỹ thuật phiên 12/06 củng cố xác suất VN-Index tiếp tục giảm trong phiên 15/06.
- Đánh giá tổng quan, áp lực bán gia tăng khi VN-Index tiếp cận vùng kháng cự cho thấy nhịp hồi phục hiện tại vẫn thiếu bền vững. Việc đà tăng thu hẹp tại các nhóm dẫn dắt và chỉ số đánh mất MA5 khiến rủi ro điều chỉnh tiếp tục chiếm ưu thế. Khuyến nghị tạm ngưng mở mới và chưa gia tăng tỷ trọng; các vị thế ngắn hạn hiện có chỉ nên duy trì ở mức thăm dò.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	48,600	47,500	2.3%	46,000	53,600		
PLX	05/06/2026		Đang mở	40,050	41,150	-2.7%	39,700	47,800		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	138,700	-4.01%	-8.75%	569,698	-5.309	15,766	2.2	8.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	85,100	3.15%	0.12%	205,342	1.503	4,808	3.0	17.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	87,000	-3.23%	-4.92%	156,017	-1.169	1,405	4.1	61.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIC	195,500	-0.26%	-5.56%	1,506,529	-0.892	1,506	10.2	129.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	31,250	1.30%	-1.42%	221,445	0.667	3,677	1.3	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,050	-0.85%	-2.26%	298,847	-0.587	4,392	1.6	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	180,800	1.86%	-2.06%	106,963	0.462	4,290	4.1	42.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	92,700	-2.93%	-8.64%	59,374	-0.404	5,285	7.7	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	45,500	-1.19%	-0.33%	135,921	-0.377	3,738	2.8	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	35,000	-1.13%	0.57%	140,000	-0.367	1,572	2.4	22.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,350	3.15%	0.93%	45,356	0.332	2,661	1.0	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BVH	65,600	-2.81%	-5.88%	48,696	-0.318	3,977	1.9	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSB	15,000	2.74%	1.35%	46,800	0.298	1,884	1.1	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEX	29,500	-3.28%	-7.81%	38,600	-0.294	1,139	2.0	25.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	28,600	-1.89%	-8.33%	64,988	-0.285	3,025	1.3	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	151,100	2.79%	15.79%	58,173	1.520	271	13.1	557.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	79,400	1.66%	-5.02%	71,443	1.114	14,074	4.1	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBS	19,200	1.05%	-3.03%	19,218	0.190	1,806	2.3	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	150,000	-0.66%	-4.76%	30,000	-0.186	13,090	5.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	38,800	3.19%	2.11%	6,208	0.186	4,083	1.2	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,500	0.81%	5.93%	24,058	0.182	43	1.7	288.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HGM	145,100	-6.99%	-7.58%	1,828	-0.120	33,081	3.5	4.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	11,400	0.88%	1.79%	12,222	0.101	1,135	0.9	10.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	15,500	-0.64%	0.00%	16,558	-0.099	491	1.5	31.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SHS	18,200	-0.55%	1.11%	16,370	-0.084	1,463	1.3	12.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

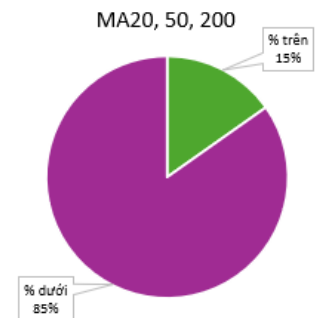
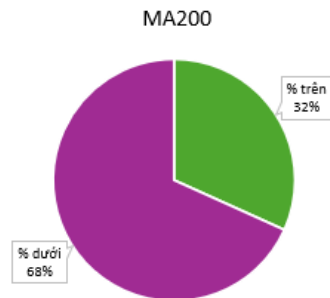
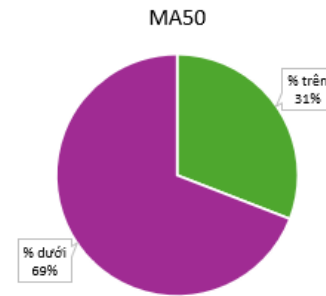
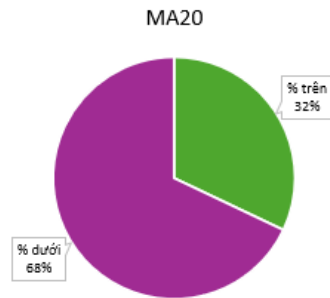
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	43,700	0.69%	-0.68%	155,792	0.055	2,980	2.2	14.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	59,900	1.18%	-3.07%	72,205	0.044	1,955	4.9	30.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	82,200	2.88%	1.54%	17,537	0.026	3,269	7.2	24.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TVN	10,900	-6.03%	-2.68%	7,614	-0.023	907	0.9	12.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CC1	34,000	3.03%	3.03%	13,530	0.021	589	3.1	57.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	370,000	-2.89%	16.72%	11,080	-0.016	617	15.0	604.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGI	89,300	-0.11%	-5.60%	272,519	-0.016	3,657	6.2	24.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TSJ	29,500	-13.24%	-4.84%	2,194	-0.015	1,361	2.5	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
ABB	16,700	-1.18%	5.03%	23,504	-0.014	3,153	1.3	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	89,600	1.82%	-0.99%	15,008	0.014	4,015	2.2	22.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPX	25,400	-1.0%	21.0	24.0	25,600	33,000	1.4	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	49,950	-0.5%	9.1	6.0	50,100	63,117	2.9	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RYG	9,420	-1.4%	5.0	1.8	9,550	14,300	0.6	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,800	9.1%	23.9	4.7	1,500	8,100	-1.6	-1.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
AGG	12,600	6.8%	16.8	2.7	11,800	21,550	0.6	5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,350	3.2%	727.2	170.1	12,429	21,000	1.0	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BVB	13,000	3.2%	68.6	18.0	11,200	16,900	1.1	15.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MSB	15,000	2.7%	375.0	230.6	9,625	15,416	1.1	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			12/06/2026	11/06/2026	10/06/2026	09/06/2026	08/06/2026	05/06/2026	04/06/2026	03/06/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	23%	24%	22%	22%	24%	24%	23%
		Dưới	77%	77%	76%	78%	78%	76%	76%	77%
	MA50	Trên	27%	29%	27%	26%	27%	31%	32%	32%
		Dưới	73%	71%	73%	74%	73%	69%	68%	68%
	MA20	Trên	31%	32%	29%	25%	22%	29%	28%	28%
		Dưới	69%	68%	71%	75%	78%	71%	72%	72%
VN30	MA200	Trên	33%	33%	33%	33%	37%	40%	43%	37%
		Dưới	67%	67%	67%	67%	63%	60%	57%	63%
	MA50	Trên	37%	33%	43%	37%	37%	53%	53%	43%
		Dưới	63%	67%	57%	63%	63%	47%	47%	57%
	MA20	Trên	33%	27%	23%	23%	17%	33%	30%	20%
		Dưới	67%	73%	77%	77%	83%	67%	70%	80%
HNX	MA200	Trên	32%	33%	33%	32%	33%	34%	34%	33%
		Dưới	68%	67%	67%	68%	67%	66%	66%	67%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	30%	31%	33%	37%	36%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	69%	67%	63%	64%
	MA20	Trên	32%	33%	33%	32%	33%	34%	34%	33%
		Dưới	68%	67%	67%	68%	67%	66%	66%	67%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	33%	32%	32%	33%	32%	34%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	68%	67%	68%	66%
	MA50	Trên	34%	33%	33%	33%	32%	33%	33%	34%
		Dưới	66%	67%	67%	67%	68%	67%	67%	66%
	MA20	Trên	36%	35%	35%	35%	34%	35%	34%	35%
		Dưới	64%	65%	65%	65%	66%	65%	66%	65%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	12 +	Tháng 6										Tháng 5								
		11	10	09	08	05	04	03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18
! 1 Du lịch và Giải trí	47	51	52	48	49	48	45	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42
2 Ngân hàng	44	44	47	45	49	51	48	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54
3 Bảo hiểm	44	-	-	42	47	38	37	38	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30
4 Tài nguyên Cơ bản	44	44	45	44	47	46	44	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50
5 Thực phẩm và đồ uống	43	43	43	40	41	41	42	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48
6 Truyền thông	43	44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7 Bất động sản	38	39	36	33	34	34	34	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55
8 Dịch vụ tài chính	38	41	41	40	43	44	46	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46
9 Xây dựng và Vật liệu	37	39	37	37	38	38	38	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33
10 Điện, nước & xăng dầu	35	39	39	40	39	38	38	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40
11 Hóa chất	33	32	29	30	32	32	31	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53
12 Hàng & Dịch vụ Cộn...	32	34	33	33	36	38	36	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53
13 Ô tô và phụ tùng	32	40	42	34	34	42	37	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31
! 14 Bán lẻ	30	34	35	31	33	33	34	32	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31
15 Công nghệ Thông tin	28	29	31	30	34	35	36	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20
16 Dầu khí	28	28	28	32	34	32	30	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62
! 17 Hàng cá nhân & Gia ...	17	19	22	22	22	18	19	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	26,500	0.0%	1.3%	136,121	1.4	8.4	3,167	1,646.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	180,800	1.9%	-2.1%	106,963	4.1	42.2	4,290	164.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	48,600	0.0%	1.7%	62,333	2.8	12.9	3,754	41.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
OCB	12,450	-0.8%	1.2%	33,155	1.0	7.8	1,604	95.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	76,000	0.5%	-0.3%	32,414	2.4	17.1	4,457	37.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	16,700	-1.2%	5.0%	23,504	1.3	5.3	3,153	17.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	37,000	0.8%	1.8%	3,574	1.5	7.9	4,707	7.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
TCI	12,250	-1.6%	1.2%	1,416	1.0	-634.8	-19	9.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	9,000	0.0%	2.3%	1,022	0.9	36.8	245	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	70,900	-0.6%	1.6%	133,662	2.2	28.9	2,454	390.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	15,000	2.7%	1.4%	46,800	1.1	8.0	1,884	375.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NAB	12,300	2.1%	2.5%	25,324	1.0	5.6	2,194	21.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPI	61,600	1.1%	4.1%	19,715	3.7	71.2	865	80.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
AAN	22,350	0.2%	0.4%	1,453	1.6	20.3	1,103	6.2	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HHP	14,700	-0.3%	2.8%	1,272	1.3	25.9	567	19.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DST	11,700	-10.0%	8.3%	377	0.9	164.5	71	6.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	33,400	1.2%	3.2%	81,326	2.7	18.7	1,791	151.1	Tích cực	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SSB	14,550	0.3%	1.4%	49,889	1.2	16.0	912	31.8	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NVB	12,500	0.8%	5.9%	24,058	1.7	288.7	43	8.7	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	21,550	-1.6%	6.2%	19,533	1.7	25.4	849	12.9	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	38,100	-0.8%	-4.3%	105,685	2.3	17.3	2,202	32.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	25,400	-1.0%	-4.2%	47,625	1.4	11.2	2,263	21.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	121,000	1.7%	-3.0%	20,607	4.6	22.5	5,368	31.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TAL	27,550	-3.7%	-6.9%	13,885	2.4	17.1	1,610	8.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	20,400	-1.0%	-2.9%	5,432	1.5	5.1	3,992	7.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	49,950	-0.5%	-2.3%	4,740	2.9	6.8	7,391	9.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,250	0.0%	-1.9%	2,382	1.0	9.3	2,181	16.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RYG	9,420	-1.4%	-3.8%	424	0.6	11.5	819	5.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,050	-0.8%	-2.3%	298,847	1.6	9.4	4,392	141.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,200	-0.4%	-2.3%	195,877	1.4	9.3	2,499	310.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,400	-0.7%	-2.1%	112,188	3.2	13.8	5,552	318.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	71,100	0.1%	-2.7%	102,805	2.8	21.8	3,268	181.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	79,400	1.7%	-5.0%	71,443	4.1	5.6	14,074	13.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SSI	26,150	-0.6%	-3.1%	65,142	1.7	12.2	2,153	374.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	28,600	-1.9%	-8.3%	64,988	1.3	9.5	3,025	123.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	92,700	-2.9%	-8.6%	59,374	7.7	17.5	5,285	94.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	52,600	-1.1%	-2.8%	54,441	2.5	16.0	3,294	14.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	62,000	0.0%	-5.6%	31,727	2.2	8.7	7,093	49.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	24,200	-0.8%	-3.6%	16,454	1.4	13.0	1,868	38.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	12,800	-1.2%	-0.4%	16,232	1.1	69.9	183	116.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,100	-1.77%	-0.45%	25,500	125.7%	(143)	0.9	-77.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,750	1.33%	-0.22%	91,200	102.0%	6,911	1.1	6.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,100	-1.07%	0.87%	42,600	82.4%	1,077	1.4	21.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	23,600	-0.42%	3.51%	42,400	78.9%	1,309	1.3	18.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	25,400	-2.12%	-0.23%	45,800	73.2%	1,599	1.0	15.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TV2	28,750	-2.21%	0.17%	49,000	66.7%	1,971	1.5	14.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BMI	14,400	-0.35%	0.35%	23,100	59.9%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,900	-0.48%	0.96%	66,800	58.7%	2,896	2.1	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,500	-0.26%	-0.52%	60,000	55.4%	3,781	1.3	10.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	19,650	-1.01%	-1.75%	30,800	55.2%	2,211	1.1	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	21,150	-0.70%	0.28%	32,900	54.5%	1,635	1.3	12.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,200	-0.43%	-2.32%	35,400	51.9%	2,499	1.4	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,000	-0.47%	-2.78%	31,900	51.2%	(99)	1.4	-213.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	121,000	1.68%	-3.04%	178,800	50.3%	5,368	4.6	22.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,400	0.15%	-1.47%	50,000	49.9%	4,906	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,000	0.00%	-1.70%	38,000	46.2%	3,314	1.2	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,850	0.40%	-0.60%	36,000	45.5%	3,442	1.4	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	62,000	0.00%	-5.63%	88,900	43.4%	7,093	2.2	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,000	0.00%	3.14%	18,600	43.1%	1,397	0.7	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	71,100	0.14%	-2.74%	101,200	42.5%	3,268	2.8	21.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn